

**QUYẾT ĐỊNH**  
**SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ**

V/v: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

*Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp:* Ông Nguyễn Thành Công

*Thư ký phiên họp:* Bà Nguyễn Lan Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên họp:*

Ông Trần Trọng Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 89/2024/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 7 năm 2024 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con chung” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 365/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*\* Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Anh **Bùi Viết K**, sinh năm 1986;

Đăng ký hộ khẩu thường trú: **Tổ dân phố C M, phường M, thành phố N, tỉnh Nam Định**. Hiện cư trú tại: Australia.

- Chị **Bùi Thị Anh Đ**, sinh năm 1991;

Nơi cư trú: **Tổ dân phố C M, phường M, thành phố N, tỉnh Nam Định**.

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông **Bùi Viết K1**, sinh năm 1951;

- Bà **Trần Thị H**, sinh năm 1956;

Cư trú tại: **Tổ dân phố C M, phường M, thành phố N, tỉnh Nam Định**.

Tại phiên họp: Anh **Bùi Viết K**, chị **Bùi Thị Anh Đ**, ông **Bùi Viết K1** và bà **Trần Thị H** đều có đơn xin giải quyết vắng mặt.

### **NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:**

Theo đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và bản tự khai, anh **Bùi Viết K** và chị **Bùi Thị Anh Đ** đều trình bày:

Anh **Bùi Viết K** và chị **Bùi Thị Anh Đ** tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 10-8-2012 tại Ủy ban nhân dân phường M, thành phố N, tỉnh Nam Định. Quá trình chung sống, anh **K**, chị **Đ** thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp, quan điểm sống khác nhau, không tìm được tiếng nói chung. Hiện tại chị **Đ** sinh sống tại Việt Nam, còn anh **K** đang cư trú và làm việc tại Australia; do xa cách nên vợ chồng ít liên lạc với nhau, không còn quan tâm đến nhau. Nay anh **K**, chị **Đ** đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên thống nhất đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định công nhận thuận tình ly hôn cho anh chị.

Về con chung: Anh **K**, chị **Đ** có 02 con chung là cháu **Bùi Thanh T**, sinh ngày 21-3-2013 và cháu **Bùi Ngọc L**, sinh ngày 20-02-2020. Vợ chồng ly hôn anh **K**, chị **Đ** thỏa thuận giao cháu **Bùi Ngọc L** cho chị **Đ** trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu **Bùi Thanh T** cho anh **K** trực tiếp nuôi dưỡng. Trong thời gian anh **K** không ở Việt Nam, ông **K1** và bà **H** là bố mẹ đẻ anh **K** có trách nhiệm nuôi dưỡng cháu **T** thay anh. Việc cấp dưỡng nuôi con anh **K**, chị **Đ** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung của vợ chồng: Anh chị tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chị **Đ** tự nguyện nộp toàn bộ theo quy định của pháp luật.

Ông **Bùi Viết K1** và bà **Trần Thị H** cùng có đơn trình bày: Con trai ông bà là **Bùi Viết K** đang giải quyết ly hôn với chị **Bùi Thị Anh Đ**. Vợ chồng anh **K**, chị **Đ** có hai con chung, nay ly hôn anh **K** nhận nuôi cháu **Bùi Thanh T** nhưng hiện nay anh **K** đang ở nước ngoài nên ông bà nhận trách nhiệm nuôi dưỡng cháu **T** thay anh **K** cho đến khi anh **K** có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng con. Ông bà không yêu cầu giải quyết cấp dưỡng nuôi cháu **T**.

Cháu **Bùi Thanh T** cũng có đơn trình bày nguyện vọng được ở với bố **K**.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật, quyền lợi của các đương sự được bảo đảm.

Về nội dung: Xét yêu cầu thuận tình ly hôn và thỏa thuận về việc nuôi con chung của anh **Bùi Viết K** và chị **Bùi Thị Anh Đ** là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên đề nghị Tòa án căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình để công nhận sự thỏa thuận của các đương sự. Lệ phí giải quyết việc dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện của chị **Đ** nộp toàn bộ lệ phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh **Bùi Viết K**, chị **Bùi Thị Anh Đ**, ông **Bùi Viết K1**, bà **Trần Thị H** có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành mở phiên họp giải quyết vắng mặt anh **K**, chị **Đ**, ông **K1** và bà **H**.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh **Bùi Viết K**, chị **Bùi Thị Anh Đ** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 10-8-2012 tại Ủy ban nhân dân phường **M**, thành phố **N**, tỉnh Nam Định nên là hôn nhân hợp pháp. Nay anh chị đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống cùng nhau, mục đích hôn nhân không đạt được và đều thống nhất thuận tình ly hôn. Xét việc thuận tình ly hôn của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình 2014 nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Xét việc anh chị thỏa thuận giao cháu **Bùi Ngọc L**, sinh ngày 20-02-2020 cho chị **Đ** trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu **Bùi Thanh T**, sinh ngày 21-3-2013 cho anh **K** trực tiếp nuôi dưỡng; trong thời gian anh **K** không ở Việt Nam, ông **K1** và bà **H** là bố mẹ đẻ anh **K** có trách nhiệm nuôi dưỡng cháu **T** thay anh và anh **K**, chị **Đ** không yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chấp nhận sự tự nguyện của chị **Đ** nộp toàn bộ lệ phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 367 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh **Bùi Viết K** và chị **Bùi Thị Anh Đ**.

2. Công nhận sự thỏa thuận của anh **Bùi Viết K** và chị **Bùi Thị Anh Đ** về việc nuôi dưỡng con chung như sau:

Chị **Bùi Thị Anh Đ** được quyền trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu **Bùi Ngọc L**, sinh ngày 20-02-2020. Anh **Bùi Viết K** được quyền trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu **Bùi Thanh T**, sinh ngày 21-3-2013. Trong thời gian anh **K** không ở Việt Nam, ông **Bùi Viết K1** và bà **Trần Thị H** là bố mẹ đẻ anh **K** có trách nhiệm nuôi dưỡng cháu **T** thay anh. Anh **K**, chị **Đ** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh **Bùi Viết K**, chị **Bùi Thị Anh Đ** có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị **Bùi Thị Anh Đ** phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được đối trừ với số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng mà chị **Đ** đã nộp theo biên lai số 0005768 ngày 23-7-2024 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh Nam Định. Chị **Đ** đã nộp đủ lệ phí giải quyết việc dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- Cục THADS tỉnh Nam Định;
- UBND phường Mỹ Xá, TP Nam Định;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ việc.

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

**Nguyễn Thành Công**